**TUẦN 9**

Thứ hai ngày 4 tháng 11 năm 2024

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù****:*

- Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng của HS. HS đọc diễn cảm trôi chảy, đạt tốc độ 90 – 100 tiếng/ phút, thuộc lòng các khổ thơ, dòng thơ đã học thuộc lòng trong nửa cuối học kì I.

- Ghi chép được vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay.

***2.* *Năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Hình thành, phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học (biết cảm nhận về câu văn hay trong bài đọc).

***3. Phẩm chất***

- Biết yêu thương gia đình, trân trọng những giá trị của quê hương.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đối với giáo viên**

- SGK Tiếng Việt 5 kết nối tri thức, SGV Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.

- Các tờ phiếu viết tên bài tập đọc (đoạn văn cần đọc) và 1 CH đọc hiểu; phiếu viết yêu cầu đọc thuộc lòng (tên các khổ thơ, bài thơ cần thuộc lòng).

**2. Đối với học sinh**

- SGK Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động:**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Cách tiến hành**  **-** GV cho HS xem video vui nhộn, hài hước.  **B. Khám phá:**  **Hoạt động 1: Luyện tập kĩ năng đọc thành tiếng, đọc hiểu bài văn**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Nắm được kĩ năng đọc thành tiếng và đọc hiểu bài văn, câu chuyện (hiểu các chi tiết của văn bản, nội dung chính hoặc thông tin chính, biết tóm tắt văn bản,…).  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ BT1: *Chọn 1 trong 2 nhiệm vụ dưới đây:*  *a. Đọc 1 câu chuyện đã học và thực hiện yêu cầu (tóm tắt câu chuyện; nêu 1 – 2 chi tiết em yêu thích).*    *b. Đọc 1 bài dưới đây và trả lời câu hỏi (Nêu cảnh vật được giới thiệu, miêu tả trong bài; Em nhớ nhất hình ảnh nào?)*    - GV tổ chức kiểm tra HS đọc diễn cảm các đoạn hoặc bài đọc có độ dài khoảng 90 - 100 tiếng trong các văn bản đã học ở nửa cuối học kì I hoặc văn bản ngoài SGK. Phát âm rõ, tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng/ phút. Biết ngừng nghỉ sau các dấu câu, giữa các cụm từ.  - GV căn cứ vào số HS trong lớp, phân phối thời gian hợp lí để mỗi giờ kiểm tra được một số HS. Trong tiết 1, đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng của khoảng 20% số HS trong lớp.  - GV tiến hành kiểm tra:  + Từng HS lên bốc thăm để chọn đoạn, bài đọc hoặc đọc thuộc lòng, kèm CH đọc hiểu.  + HS đọc đoạn, bài văn, trả lời CH đọc hiểu.  + GV nhận xét, chấm điểm theo hướng dẫn tại các văn bản chỉ đạo hiện hành.  *\* Những HS đọc chưa đạt sẽ ôn luyện tiếp để kiểm tra lại.*  - GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà hoàn thiện.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS.  **\* Củng cố, dặn dò:**  - GV nhận xét tiết học.  - Nhắc những HS kiểm tra đọc thành tiếng chưa đạt chuẩn bị để kiểm tra lại vào buổi sau. | - HS xem video.  - HS đọc yêu cầu BT.  - HS hoạt động theo hướng dẫn của GV.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

……………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………….

**KHOA HỌC**

**BÀI 6. NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI, NĂNG LƯỢNG GIÓ**

**VÀ NĂNG LƯỢNG NƯỚC CHẢY (Tiết 1)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Kể được tên một số phương tiện, máy móc và hoạt động của con người sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió và năng lượng nước chảy.

- Nêu được một số nhà máy điện mặt trời, nhà máy thủy điện và nhà máy điện gió ở Việt Nam.

- Tiến hành được thí nghiệm để tìm hiểu về việc sử dụng năng lượng gió tạo ra điện.

- Thu thập, xử lý thông tin và trình bày được bằng những hình thức khác nhau) về việc khai thác, sử dụng các dạng năng lượng mặt trời, năng lượng gió và năng lượng nước chảy.

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống; biết cách làm thí nghiệm để tìm hiểu về việc sử dụng năng lượng gió tạo ra điện.

- Năng lực tự học: HS làm được thí nghiệm đơn giản để tìm hiểu về xói mòn đất.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: HS có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê tìm tòi khoa học.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**\*** Tích hợp hợp Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**: tranh ảnh một số nhà máy điện, tranh ảnh hoặc clip về khai thác, sử dụng năng lượng mặt trời, gió và nước chảy.

**2. Học sinh**: VBT Khoa học 5, Máy phát điện nhỏ có gắn cánh quạt, bóng đèn, băng dính, hộp làm giá đỡ, máy sấy tóc.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **A. Khởi động:** | | |
| Theo em, con người có thể khai thác nguồn năng lượng nào thay thế chất đốt để bảo vệ môi trường? | HS phát biểu | |
| Giới thiệu bài. |  | |
| **B. Khám phá:** |  | |
| **Hoạt động 1. Tìm hiểu một số phương tiện, máy móc, hoạt động của con người sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió và năng lượng nước chảy.**  - **Mục tiêu**: Kể được tên một số phương tiện, máy móc, hoạt động của con người sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió và năng lượng nước chảy  \* **Cách tiến hành:** | | |
| \* Hãy quan sát các hình trong Hình 1, trang 29 SGK và làm vào VBT:  + Xác định ở mỗi hình loại năng lượng mà phương tiện, máy móc, hoạt động của con người sử dụng  + Nêu tên các phương tiện, máy móc và hoạt động của con người sử dụng năng lượng | * HS làm việc cá nhân | |
| - Gọi HS trình bày | - HS trình bày theo trò chơi Truyền điện. | |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | Hình | Năng lượng | Phương tiện, máy móc và hoạt động của con người | | 1a | Mặt trời | Pin tạo ra điện | | 1b | Nước | Nhà máy thủy điện tạo ra điện | | 1c | gió | Tua bin gió tạo ra điện | | 1d | Mặt trời | Làm muối từ nước biển | | 1e | Mặt trời | Pin để đun nước | | 1g | gió | Dù | | 1h | Mặt trời | Máy tính | | | |
| * GV nhận xét. |  | |
| * Hãy tìm thêm một số phương tiện, máy móc và hoạt động của con người có sử dụng năng lượng mặt trời, nước chảy, gió. | - HS lấy ví dụ kết hợp làm bài tập 2 VBT  - HS chia se kết quả trước lớp. HS khác nhận xét, bổ sung | |
| - GV nhận xét, đánh giá |  | |
| - Tổ chức cho HS chơi trò chơi Phỏng vấn trả lời các câu hỏi. | Trưởng ban học tập làm nhiệm vụ phỏng vấn các bạn trong lớp về các ý kiến:  + Năng lượng gió có thể làm thuyền chạy trên hồ nước đúng hay sai?  + Năng luuwognj gió có lợi đối với con người không?  + Có thể làm sạch các vật bị bùn đất bám vào bằng năng lượng nước chảy không?  + Năng lượng nước chảy có tạo ra dòng điện không?  + Bạn suy nghĩ thế nào về ý kiến: Năng lượng mặt trời không tạo ra dòng điện.  + Năng lượng mặt trời có thể làm khô các vật không? | |
| - GV nhận xét, yêu cầu HS hoàn thành BT3 trong VBT | - HS hoàn thành BT3. | |
| **Hoạt động 2. Thí nghiệm sử dụng năng lượng gió để tạo ra điện**  **\* Mục tiêu:** Tiến hành được thí nghiệm để tìm hiểu về việc sử dụng năng lượng gió tạo ra điện  **\* Cách tiến hành**: | | |
| - Kiểm tra sự chuẩn bị của HS | - Trưởng ban thư viện kiểm tra và báo cáo. | |
| - Nhận xét sự chuẩn bị |  | |
| - Gọi HS đọc hướng dẫn thí nghiệm | - HS đọc hướng dẫn | |
| - Yêu cầu HS thực hiện làm thí nghiệm theo nhóm 4, ghi chép lại những điều quan sát được vào BT4, VBT. | - HS làm việc nhóm 4. | |
| * GV bao quát lớp |  | |
| * Tổ chức cho các nhóm báo cáo | * Các nhóm báo cáo kết quả quan sát thí nghiệm | |
| * Tổ chức cho cả lớp thảo luận | * HS thảo luận ktheo các kết quả mà các nhóm báo cáo. | |
| * Người ta có thể sử dụng năng lượng gió để tạo ra điện. Mức độ gió thổi (mạnh, nhẹ) có thể tạo ra điện thế nào? | * Gió mạnh tạo ra điện mạnh hơn, gió nhẹ tạo ra điện nhẹ hơn. | |
| * Nếu chệch hướng thổi của gió và cánh quạt có ảnh hưởng tới việc tạo ra điện không? | * Hướng thổi của gió vào cánh quạt có ảnh hướng, nếu không đúng hướng thì cánh quạt quay chậm hơn nên tạo ra điện ít hơn. | |
| * Muốn sử dụng năng lượng gió để tạo ra điện cần có điều kiện gì? | * Cần có gió và các phương tiện hỗ trợ như tua bin, cánh quạt,… | |
| * Giáo viên giới thiệu cách tạo ra điện nhờ năng lượng mặt trời, nước chảy. | * HS lắng nghe | |
| * - GV kết luận. * \* Tuyên truyền học sinh cùng mọi người trong gia đình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. | | - Lắng nghe và thực hiện |
| \* **Củng cố, dặn dò:**  - Nhắc lại các loại năng lượng mà đã tìm hiểu  - Nhắc HS chuẩn bị bài sau. | | HS nhắc lại nội dung bài. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

**TOÁN**

**Bài 19. PHÉP CỘNG SỐ THẬP PHÂN (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- HS thực hiện được phép cộng số thập phân.

- HS vận dụng được việc cộng số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.

- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học,...

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  \* Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi chơi trò chơi “Hỏi nhanh – Đáp đúng”.  **+ Luật chơi:** Quản trò (Rô-bốt) nêu một phép cộng số thập phân rồi chỉ định 1 HS khác trả lời. HS trả lời đúng sẽ được nêu phép cộng số thập phân tiếp theo và chỉ định bạn  trả lời.  – GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới | - HS lắng nghe luật chơi  - HS lắng nghe |
| **2. Luyện tập:**  \*Mục tiêu:  - Vận dụng được việc cộng số thập phân để giải các bài toán thực tế  \* Cách tiến hành: | |
| **Bài 1. Đặt tính rồi tính** (Làm việc cá nhân).    - GV xem và nhận xét 1 – 2 bài của HS làm chưa đúng (nếu có) để lưu ý tránh lỗi sai  khi thực hiện phép tính (đặt tính chưa đúng, thực hiện tính chưa đúng thứ tự, thao tác tìm và viết kết quả chưa đúng,...).  - GV yêu cầu hs nêu lại cách cộng hai số thập phân cho nhau nghe (đặt tính, lưu ý đặt dấu phẩy, tính, viết dấu phẩy ở tổng).  **Bài 2:** (Làm việc nhóm 2)    a) GV cho thảo luận nhóm đôi để tính giá trị biểu thức rồi so sánh kết quả.    - GV yêu cầu hs nhận xét các số hạng, vị trí của các số hạng và kết quả của 2 biểu thức.    - GV hướng dẫn quan sát các biểu thức và nhận xét điểm giống và các nhau của các số hạng, vị trí của các số hạng, dấu ngoặc, thứ tự thực hiện phép tính và kết quả của 2 biểu thức.  b) GV cho hs vận dụng nhận xét vừa rút ra ở câu a để làm vào vở câu b.  - GV nhận xét, chốt đáp án  **Bài 3:** (Làm việc cá nhân)  Ngày thứ Sáu, chú Sơn thu được 73,5 l sữa dê. Ngày thứ Bảy, chú thu được hơn ngày thứ Sáu 4,75 l sữa dê. Hỏi cả hai ngày, chú Sơn thu được bao nhiêu lít sữa dê?  - Gv hỏi: Đề bài cho biết điều gì?  - GV hỏi: Yêu cầu đề bài là gì?  - GV cho học sinh làm bài cá nhân vào vở  - GV nhận xét, tuyên dương | - HS làm bài cá nhân vào vở; đổi vở, chữa bài cho nhau, thống nhất kết quả.    - HS lắng nghe  - HS nêu: Muốn cộng hai số thập phân, ta làm như sau:  *+ Viết số hạng này dưới số hạng kia sao cho các chữ số ở cùng hàng đặt thẳng cột*  *với nhau.*  *+ Cộng như cộng hai số tự nhiên.*  *+ Viết dấu phẩy ở tổng thẳng cột với các dấu phẩy ở hai số hạng.*  - HS thảo luận nhóm đôi  - Đại diện một số nhóm trình bày kết quả trước lớp  + *Khi đổi chỗ các số hạng trong một phép cộng các số thập phân thì tổng*  *không thay đổi.*  - *Khi cộng một tổng hai số thập phân với số thập phân thứ ba, ta có thể lấy số thập phân thứ nhất cộng với tổng của số thập phân thứ hai và số thập phân thứ ba.*  - HS đổi vở, thống nhất cách làm và kết quả với bạn.  - HS báo cáo bài làm và được bạn nhận xét:    - HS lắng nghe  - HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của đề bài.  + Ngày thứ Sáu, chú Sơn thu được 73,5 l sữa dê. Ngày thứ Bảy, chú thu được nhiều hơn ngày thứ Sáu 4,75 l sữa dê.  + Cả hai ngày, chú Sơn thu được bao nhiêu lít sữa dê?  - HS làm bài cá nhân vào vở, đổi vở chữa bài, thống nhất kết quả.  *Bài giải:*  Ngày thứ Bảy chú Sơn thu hoạch được số sữa là:  73,5 + 4,75 = 78,25 (lít)  Cả hai ngày chú Sơn thu hoạch được số sữa là:  73,5 + 78,25 = 151,75 (lít)  *Đáp số:* 151,75 lít sữa  - HS lắng nghe |
| **4. Vận dụng trải nghiệm:**  \* Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  \* Cách tiến hành: | |
| **Bài tập 4:**  - GV cho hs đọc đề bài và xác định yêu cầu của đề bài.  - Đề bài cho biết điều gì?  - Yêu cầu của đề bài  - GV cho học sinh làm bài  - GV nhận xét tiết học | - HS đọc và phân tích đề bài  - Sân trường của Trường Tiểu học Nguyễn Siêu dạng hình chữ nhật có  chiều rộng 17,5 m, chiều dài hơn chiều rộng 15 m.  - Chu vi của sân trường đó là bao nhiêu mét?  - HS chia sẻ bài làm, được bạn và GV nhận xét, thống nhất kết quả.  Bài giải  Chiều dài của sân trường là  17,5 + 15 = 32,5 (m)  Chu vi của sân trường là:  (17,5 + 32,5 ) × 2 = 100 (m)  Đáp số: 100 m.  - HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ...........................................................................................................................................  ........................................................................................................................................... | |

Thứ ba ngày 5 tháng 11 năm 2024

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù****:*

- Sử dụng một số từ điển Tiếng Việt thông dụng để tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ.

- Viết được đoạn văn tả phong cảnh.

- Nhận biết được từ đồng nghĩa (đặc điểm và tác dụng)

***2.* *Năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***3. Phẩm chất***

- Biết yêu thương gia đình, trân trọng những giá trị của quê hương.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đối với giáo viên**

- SGK Tiếng Việt 5 kết nối tri thức, SGV Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.

**2. Đối với học sinh**

- SGK Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động:**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Cách tiến hành**  **-** GV cho cả lớp hát một bài hát.  **B. Khám phá:**  **Hoạt động 2: Luyện tập về từ đồng nghĩa**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nắm được kiến thức về từ đồng nghĩa.  **b. Cách tiến hành**  - GV phổ biến trò chơi *Tìm từ đồng nghĩa* cho HS:    - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, chia lớp thành 4 nhóm và thực hiện nhiệm vụ.  - GV cho các nhóm kiểm tra kết quả chéo nhau và công bố kết quả:  + Nhóm hoàn thành xuất xắc nhất  + Nhóm làm đúng nhưng chưa đầy đủ  + Nhóm làm đủ nhưng có sai sót  + Nhóm chưa hoàn thành.  - GV chốt đáp án:  *\* Đáp án tham khảo:*   * *Nhóm 1 (chăm chỉ): siêng năng, chịu khó, cần mẫn, chuyên cần, cần cù.* * *Nhóm 2 (chăm sóc): chăm chút, chăm lo, trông nom, săn sóc.* * *Nhóm 3 (che chở): bênh, bênh vực, bảo vệ.*   **Hoạt động 3: Thực hành**  - GV cho HS đọc nhiệm vụ BT3: *Đặt 2 – 3 câu có từ đồng nghĩa em tìm được ở bài tập 2*  + GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm đôi, trình bày ý kiến trước lớp.  + GV gọi 1 – 2 HS đại diện trả lời, HS khác nhận xét.  + GV nhận xét, chốt đáp án:  *Đàn kiến* ***cần mẫn*** *tha lương thực về tổ.*  *Mẹ tôi* ***chăm chút*** *chúng tôi từng li từng tí.*  *Trong truyện cổ tích, ông bụt, ông tiên thường* ***bênh vực, bảo vệ*** *những người hiền lành, lương thiện.*  - GV cho HS đọc nhiệm vụ BT4, 5:  *Bài tập 4: Tìm từ ngữ chỉ màu sắc trong đoạn văn dưới dây. Nêu nhận xét về cách sử dụng từ ngữ chỉ màu sắc của nhà văn.*  *Bài tập 5: Viết đoạn văn (3 – 5 câu) tả cảnh thiên nhiên, trong đó có ít nhất 2 từ ngữ chỉ màu xanh.*  - GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà hoàn thiện.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS.  **\* Củng cố, dặn dò:**  - GV nhận xét tiết học.  - Nhắc những HS kiểm tra đọc thành tiếng chưa đạt chuẩn bị để kiểm tra lại vào buổi sau. | - HS hát bài hát.  - HS đọc yêu cầu BT.  - HS hoạt động theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ.  - HS chữa BT.  - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS lắng nghe GV hướng dẫn.  - HS phát biểu ý kiến.  - HS nhận xét, chốt đáp án  - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS lắng nghe và thực hiện.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**BÀI 3. EM NHẬN BIẾT KHÓ KHĂN (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Nhận xét về sự vượt qua khó khăn của bạn trong các tình huống cụ thể.

- Biết điều chỉnh và nhắc nhở bạn bè vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống.

***2. Năng lực chung:***

- Góp phần hình thành năng lực tự chủ và tự học.

***3. Phẩm chất:***

- Góp phần hình thành phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đối với GV:**

**- Video** clip liên quan đến việc nhận biết những khó khăn trong học tập và cuộc sống. **https://www.youtube.com/watch?v=Fkz57a72a\_U**

- Tranh, hình ảnh về biểu hiện của vượt qua khó khăn.

- Máy chiếu đa năng, máy tính,... (nếu có)

**2. Học sinh:** Sách giáo khoa

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động:**  **a) Mục tiêu:**  - Tạo cảm xúc vui tươi, hứng thú của HS trước giờ học.  - Nhắc lại kiến thức cũ, giới thiệu bài mới.  **b) Cách thực hiện:** | |
| - GV cho HS xem video  <https://www.youtube.com/watch?v=Fkz57a72a_U>  **- Các bạn HS trong video đã gặp những** khó khăn gì trong học tập và cuộc sống?  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS xem   * HS trả lời   - HS lắng nghe. |
| **B. Thực hành, luyện tập:**  **Hoạt động 3. Nhận xét về sự vượt qua khó khăn của các bạn trong những trường hợp cụ thể**  **a) Mục tiêu**: HS đưa ra được nhận xét về sự vượt qua khó khăn của người khác trong một số trường hợp trong SGK.  **b) Cách tiến hành** | |
| - GV chia lớp thành các nhóm đôi.   * GV yêu cầu các nhóm đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu: *Em có nhận xét gì về sự vượt qua khó khăn của các bạn trong những trường hợp trong SGK.* * GV mời đại diện các nhóm phát biểu ý kiến, các nhóm khác tranh luận, bổ sung.   - GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp. | - HS thảo luận  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  + Trường hợp 1: Khánh đã biết vượt qua những khó khăn của bản thân bằng các việc làm và tư duy tích cực như: đọc sách về 1 người khuyết tật, có ước mơ và nuôi dưỡng ước mơ trở thành kĩ sư công nghệ tấm gương vươn lên của thông tin, biết tự động viên mình và tìm đến sự giúp đỡ của người thân, bạn bè.  + Trường hợp 2: Khi gặp khó khăn trong lúc sửa khuyết điểm nói lắp, qua vài tuần luyện tập nhưng chưa thấy hiệu quả, An đã thấy nản lòng, không đủ kiên trì, nhẫn lại để vượt qua.  + Trường hợp 3: Để vượt qua khó khăn trong việc thích ứng và hoà nhập với môi trường mới, Trang đã tích cực, cố gắng thực hiện nhiều biện pháp và nhanh chóng vượt qua những khó khăn như: tìm hiểu về phong tục, thói quen sinh hoạt của người dân địa phương và các bạn trong lớp; tích cực nói chuyện, tham gia vào các hoạt động chung của tập thể; mời các bạn về nhà chơi vào những dịp cuối tuần;...  - HS lắng nghe |
| **C. Vận dụng:**  **a) Mục tiêu:**  - HS chọn và chia sẻ được một câu ca dao, tục ngữ, danh ngôn,... về vượt qua khó khăn trong học tập, cuộc sống.  **b) Cách tiến hành:** | |
| - GV chia lớp thành các nhóm học tập và hướng dẫn nhiệm vụ của các nhóm.  - Mỗi thành viên nhóm viết ra một câu ca dao, tục ngữ, danh ngôn,... và trình bày nội dung, ý nghĩa của nó. Sau đó, cả nhóm thống nhất chọn một câu hay nhất.  - GV tổ chức cho một số nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.  - GV nhận xét và khuyến khích các nhóm HS tích cực hoàn thành nhiệm vụ được giao.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS tiếp nhận nhiệm vụ   * HS chọn và chia sẻ một câu ca dao, tục ngữ, danh ngôn,... về vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống. * HS trình bày   - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**:

……………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………….

**BUỔI CHIỀU**

**TOÁN**

**Bài 20. PHÉP TRỪ SỐ THẬP PHÂN (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Thực hiện được phép trừ số thập phân.

- Phát triển năng lực tư duy, giải quyết vấn đề và lập luận và giao tiếp toán học.

- Vận dụng được việc trừ số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  \* Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi “Hỏi nhanh – Đáp đúng”.  - **Luật chơi:** Quản trò (Rô-bốt) nêu một phép cộng số thập phân rồi chỉ định 1 HS khác trả lời. HS trả lời đúng sẽ được nêu phép cộng số thập phân tiếp theo và chỉ định bạn trả lời.  + Ví dụ: 2,46 + 3,32 = ?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: *Ở các tiết học trước, các em đã biết cách cộng hai số thập phân. Vậy thực hiện phép trừ số thập phân như thế nào, có gì giống và khác phép cộng số thập phân, chúng ta cùng đến với bài học ngày hôm nay: “Phép trừ số thập phân”.* | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe.  - HS trả lời: 5,78  - HS lắng nghe và ghi tên bài |
| **2. Khám phá:**  \*Mục tiêu:  - Thực hiện được phép trừ số thập phân.  \* Cách tiến hành: | |
| 1. **Trừ hai số thập phân**   Ví dụ 1:  - GV cho HS đọc tình huống khám phá trang 68 – SGK Toán 5 tập một.    - GV gợi ý cách làm:  + Cách 1: Đổi 4,43 m và 4,16 m về đơn vị xăng-ti-mét, lấy 443 cm – 416 cm, đổi kết quả vừa tìm được về đơn vị mét.  + Cách 2: Thực hiện phép tính 4,43 – 4,16.  - GV hướng dẫn cách đặt tính và thực hiện phép trừ hai số thập phân.  + Viết số trừ bên dưới số bị trừ sao cho các chữ số ở cùng hàng đặt thẳng cột với nhau. + Trừ như trừ hai số tự nhiên.  **Ví dụ 2:**  - GV nêu ví dụ: 63,49 – 1,8.  - GV gọi hs nhận xét về số chữ số ở phần thập phân của số bị trừ và số trừ.  - GV hướng dẫn cách hạ chữ số 9 ở hàng phần trăm của số bị trừ xuống hiệu và thực hiện trừ từ phải qua trái.  - GV gọi hs nêu lưu ý khi đặt tính  - GV nhận xét, thống nhất cách làm.  **b) Quy tắc trừ hai số thập phân**  - GV nêu cách trừ hai số thập phân.  - GV gắn bảng phụ khung ghi nhớ trang 69 – SGK Toán 5 tập một. | - HS chuẩn bị đồ dùng lên bàn  - HS thao tác nhóm đôi trên băng giấy  - HS thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi: Thành tích nhảy xa năm nay của Nam hơn thành tích của bạn ấy năm ngoái bao nhiêu mét?  -HS nghe GV nêu cách làm và thực hiện theo các bước hướng dẫn của GV.  - HS nghe GV nhận xét, thống nhất cách làm cả lớp.  - HS thực hiện đặt tính.  - HS nêu nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát  - HS nêu lưu ý: khi đặt tính phải đặt các chữ số ở cùng hàng và các dấu phẩy thẳng cột với nhau; thực hiện trừ từ phải sang trái, dấu phẩy ở hiệu phải thẳng cột với dấu phẩy của số bị trừ  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe, quan sát  - HS đọc ghi nhớ và nêu lại quy tắc trừ hai số thập phân. |
| **3. Hoạt động:**  \*Mục tiêu:  - Học sinh được cách trừ số thập phân; vận dụng giải bài tập, bài toán thực tế có liên quan  \* Cách tiến hành: | |
| \* Bài 1. Đặt tính rồi tính (Làm việc cá nhân).  - GV quan sát Hỗ trợ HS còn lúng túng hoăc yếu    - GV nhận xét, thống nhất kết quả  - GV yêu cầu HS nêu lại cách trừ hai số thập phân cho nhau nghe (đặt tính, lưu ý đặt dấu phẩy, tính, viết dấu phẩy ở hiệu)  \* Bài 2: Đ,S? (Làm việc nhóm 2)  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở.    - GV nhận xét bài làm và nêu một số lỗi sai thường gặp khi trừ hai số thập phân để HS tránh mắc phải (đặt các chữ số cùng hàng và các dấu phẩy không thẳng cột, thực hiện các lượt tính không đúng, viết dấu phẩy ở hiệu không thẳng cột với các dấu phẩy của số bị trừ và số trừ,...)  - GV soi bài làm đúng, yêu cầu HS đối chiếu  - GV Nhận xét, tuyên dương.  \* **Bài 3:** Mai làm được 2,15 l nước mơ, Mi làm được 1,7 l nước dâu. Hỏi nước mơ Mai làm nhiều hơn nước dâu Mi làm bao nhiêu lít? (Làm việc nhóm 4 hoặc 5)  - GV cho HS làm theo nhóm.  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương. | - HS vận dụng bài học để làm.  - HS thực hiện vào vở  - HS cùng GV thống nhất kết quả (1,9; 0,91; 9,46; 3,13).  - HS nêu lại cách trừ số thập phân  - HS làm việc theo nhóm 2  - HS lắng nghe nhận xét  - HS chia sẻ bài làm, nhận xét  (a) S; b) Đ; c) S).  - HS đối chiếu, sửa sai, đổi vở kiểm tra, nhận xét.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - Các nhóm làm việc theo phân công.  - HS nêu và giải thích cách làm  *Bài giải*  Số lít nước mơ Mai làm nhiều hơn nước dâu Mi làm là:  2,15 – 1,7 = 0,45 (lít)  *Đáp số*: 0,45 lít |
| **4. Vận dụng trải nghiệm:**  \* Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi “Đố bạn”: Bạn A nêu một phép trừ hai số thập phân bất kì, bạn B thực hiện tính và nêu kết quả. Hai bạn thay nhau đó và trả lời, thống nhất kết quả.  - VD; 5,68 – 1,47 = ?  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.    - Đáp án: 4,21  - HS nhận xét, lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ............................................................................................................................................  ............................................................................................................................................ | |

**LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ**

**BÀI 6. VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM ( Tiết 2 )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. *Năng lực đặc thù:***

- Trình bày được thành lập của nước Phù Nam. Mô tả một số hiện vật khảo cổ của Phù Nam.

- Tìm, tra cứu hoặc sưu tầm thông tin cơ bản về vương quốc Phù Nam qua truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.

- Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử mô tả một số hiện vật khảo cổ của Phù Nam.

**2. *Năng lực chung:***

- Giao tiếp và hợp tác: Tham gia hoạt động nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày kết quả thể hiện sự sáng tạo.

- Tự chủ và tự học: Chủ động lựa chọn và mô tả hình ảnh một hiện vật khảo cổ của Phù Nam.

***3. Phẩm chất :***

- *Yêu nước:* Tự hào về những giá trị văn hóa của cư dân Phù Nam.

*- Trách nhiệm*: Trân trọng, giữ gìn những giá trị văn hóa cư dân Phù Nam**.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đối với giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy, bài trình chiếu powerpoint.

- Tranh ảnh vương quốc Phù Nam.

- SGK Lịch sử và Địa lí 5 – bộ sách Cánh diều.

- Bảng con, giấy A4, bút viết,...

**2. Đối với học sinh**

- SHS Lịch sử và Địa lí 5 bộ sách Cánh diều.

- Thông tin, tài liệu, tranh ảnh về làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí. Bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động:**  **a. Mục tiêu:** Thông qua Hoạt động, HS:  - Kết nối được kiến thức HS đã biết với nội dung kiến thức mới trong bài.  - Tạo hứng thú cho HS tiếp nhận bài học mới.  **b. Cách tiến hành:** | |
| - Tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ô chữ bí mật”.  Luật chơi: Quan sát các ô chữ trên màn  hình , mỗi ô chữ sẽ có câu hỏi khác nhau liên quan đến nội dung đã học ở học trước. Ô chữ được mở ra hết sẽ xuất hiện hình ảnh “Bếp cà ràng”.  + Câu 1: Em hãy nêu thời gian ra đời và tồn tại của Vương quốc Phù Nam?  + Câu 2: Địa bàn của Vương quốc Phù Nam thuộc khu vực nào của Việt Nam ngày nay?  + Câu 3: Em hãy kể về truyền thuyết ra đời Vương quốc Phù Nam?  + Câu 4: Nêu một số bằng chứng khảo cổ mà em biết?  - Mời HS Quan sát hình ảnh “Bếp cà ràng” và cho biết: Đây là gì?  - Kết luận: Nền văn minh của vương quốc Phù Nam rất đặc sắc thể hiện qua nhiều hiện vật khảo cổ đã được tìm thấy. Điển hình như bếp cà rang một loại bếp của cư dân Phù Nam mà cho đến nay vẫn còn được người dân Nam Bộ sử dụng. Chúng ta hãy cùng tìm hiểu rõ hơn về những hiện vật này. | -Tham gia trò chơi. Quan sát tranh, suy nghĩ và trả lời câu hỏi:  - Lắng nghe.  + Từ TK I đến TK VII  + Phần lớn ở Nam bộ của Việt Nam ngày nay  + Hỗn Điền từ Ấn độ đến đất Phù Nam, kết hôn với Liễu Diệp và cùng nhau cai trị đất nước Phù Nam  + Bia đá khắc chữ San-krits, tượng thần Vít-xnu, dấu tích công trình bằng gỗ, gạch,  - Trả lời: Đây là bếp cà ràng, một hiện vật khảo cổ của cư dân Phù Nam.  - Nhận xét, bổ sung cho nhau.  - Lắng nghe, ghi bài |
| **C. Luyện tập:**  **a. Mục tiêu**: Giúp HS củng cố kiến thức đã học về phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.  **b. Cách tiến hành:** | |
| - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện phần Luyện Tập SHS tr.32: *Viết tên những hiện vật khảo cổ phản ánh lĩnh vực tương ứng của Phù Nam theo bảng dưới đây vào vở ghi:*   |  |  | | --- | --- | | **Đời sống vật chất** | **Đời sống tinh thần** | |  |  |   - GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp. HS khác lắng nghe nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có)  - GV nhận xét, chốt kiến thức: | -Nhận nhiệm vụ, thực hiện theo yêu cầu  - Chia sẻ trước lớp   |  |  | | --- | --- | | **Đời sống vật chất** | **Đời sống tinh thần** | | *- Bếp cà rang*  *- Cọc gỗ làm móng nhà sàn (thể hiện qua dấu tích được tìm thấy)* | *- Khuyên tai bằng vàng*  *- Tượng thần Vit – xnu*  *- Đền thần mặt trời Gò Cây Thị ở An Giang* | |
| **D. Vận dụng:**  **a. Mục tiêu:** HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn.  **b. Cách tiến hành** | |
| - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm nhỏ (3 – 6HS/ nhóm) và thực hiện nhiệm vụ: *Mô tả hình ảnh một hiện vật khảo cổ của Phù Nam mà em yêu thích.*  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả nhiệm vụ. Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá, khích lệ HS.  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “***Đố vui***”.  - GV đọc từng câu hỏi và HS ghi bảng con. GV công bố đáp án sau khi HS trả lời.  **Câu 1:** Vật dụng nào phổ biến ở các di ti tích?  A. Khuyên tai bằng vàng.  B. Bếp cà ràng.  C. Tượng thần Vít – xnu.  D. Đồng tiền bằng kim loại.  **Câu 2:** Vương quốc Phù Nam tồn tại trong khoảng:  A. thời gian từ thế kỉ I đến thế kỉ XVII.  B. thời gian từ thế kỉ I đến thế kỉ V.  C. thời gian từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XVIII.  D. thời gian từ thế kỉ II đến thế kỉ XVII.  **Câu 3:** Sự ra đồ của Vương quốc Phù Nam được thể hiện:  A. truyền thuyết Con Rồng Cháu Tiên.  B. truyền thuyết Po Klaong Girai.  C. truyền thuyết Hỗn Điền và Liễu Diệp.  D. truyền thuyết Po Na – ga.  **Câu 4:** Bếp cà ràng được làm bằng:  A. đất sét.  B. đất tử sa.  C. đất cao lanh.  D. đất nung.  **Câu 5:** Địa bàn ngày nay của vương quốc Phù Nam phần lớn là:  A. Nam Bộ.  B. Tây Bắc Bộ.  C. Đông Bắc Bộ.  D. Trung Bộ.  - GV công bố đáp án ngay sau khi HS nêu đáp án:  **\* Củng cố:**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* Dặn dò:**  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Vương quốc Phù Nam*  + Có ý thức chăm chỉ, tìm tòi, học hỏi những phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.  + Đọc trước *Bài 7 – Vương quốc Chăm - pa* (SHS tr.33). | - HS lắng nghe nhiệm vụ.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS chọn câu trả lời đúng và ghi đáp án vào bảng con  - HS trả lời: đáp án B  - HS trả lời: đáp án A  - HS trả lời: đáp án C  - HS trả lời: đáp án D  - HS trả lời: đáp án A  - Nhận xét sau trò chơi  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Tiếp tục đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng của HS. HS đọc cảm, trôi chảy, đạt tốc độ 90 – 100 tiếng / phút, thuộc lòng các khổ thơ, dòng thơ.

- Ôn luyện về từ đa nghĩa và đại từ.

***2*. *Năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Hình thành, phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học (biết cảm nhận về câu văn hay trong bài đọc).

***3. Phẩm chất :***

- Hoàn thành nhiệm vụ học tập, ham học hỏi; có ý thức vận dụng những kĩ năng đã học ở trường vào đời sống hằng ngày.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đối với giáo viên**

- SGK Tiếng Việt 5 kết nối tri thức, SGV Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.

- Tranh ảnh SGK phóng to; tranh ảnh hoặc video clip về cảnh đồi núi hoặc cánh đồng (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

- SGK Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.

- Từ điển Tiếng Việt.

- Tranh ảnh theo nội dung bài nếu có.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động:**  **a. Mục tiêu:**  -Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Cách tiến hành**  **-** GV đặt câu hỏi:  + *Em hãy nhắc lại kiến thức về từ đa nghĩa?*  *­*- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ:  - GV nhận xét, chốt đáp án:  + *Từ đa nghĩa là từ có nhiều nghĩa, trong đó có một nghĩa gốc và một hoặc một số nghĩa chuyển*  - GV ghi tên bài học mới.  **B. Khám phá:**  **Hoạt động 1: Luyện tập kĩ năng học thuộc lòng và đọc hiểu văn bản**  **a. Mục tiêu:**  Thông qua hoạt động, HS:  - HS học thuộc lòng các bài thơ và trả lời các câu hỏi liên quan.  **b. Cách tiến hành:**  - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ BT1:  + *Đọc thuộc lòng đoạn thơ (khoảng 100 chữ) trong một bài thơ đã học dưới đây và trả lời câu hỏi.*    - GV tổ chức đọc thi cho HS và yêu cầu HS trả lời các câu ứng với bài đọc đã chọn.  - GV nhận xét, chốt nhiệm vụ  **Hoạt động 2: Ôn luyện đặt câu để phân biệt nghĩa của các từ đa nghĩa**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - HS phân biệt nghĩa của các từ đồng nghĩa.  **b. Cách tiến hành**  - GV tổ chức hoạt động cho HS đọc yêu cầu của BT2: *Từ ngọn và từ gốc trong mỗi câu dưới đây mang nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?*    - GV tổ chức hoạt động nhóm đôi cho HS, hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi.  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu ý kiến.  - GV nhận xét, chốt đáp án:  *a. Từ ngọn:*  *+ Bầy chim ríu rít làm tổ trên ngọn cây. (nghĩa gốc)*  *+ Ngọn lửa bập bùng xua đi cái cạnh đầu đông. (nghĩa chuyển)*  *+ Những ngọn núi ẩn hiện trong mây trời (nghĩa chuyển)*  *b. Từ gốc:*  *+ Ông tôi mới trồng thêm 5 gốc cam ở góc vườn (nghĩa chuyển)*  *+ Các bạn nhỏ ngồi chơi dưới gốc cây đa đầu làng (nghĩa gốc)*  *+ Nhiều người gốc Việt đã về Việt Nam làm việc. (nghĩa chuyển)*  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS.  **Hoạt động 3: Đặt câu với từ đa nghĩa**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - HS nhận bài làm và nghe GV nhận xét.  **b. Cách tiến hành**  - GV xác định nhiệm vụ cho HS BT3: *Đặt câu để phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của mỗi từ dưới đây:*    - GV tổ chức hoạt động cho HS bằng kĩ thuật *Mảnh ghép* để giải quyết BT.  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm phát biểu.  - GV nhận xét, chốt đáp án:  - GV nhận xét, bổ sung ý kiến để HS tiếp tục hoàn thiện bài viết.  **\* Củng cố, dặn dò:**  - GV nhận xét tiết học.  - Nhắc những HS kiểm tra đọc thành tiếng chưa đạt chuẩn bị để kiểm tra lại vào buổi sau. | **-** HS lắng nghe câu hỏi.  - HS phát biểu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài.  - HS đọc yêu cầu BT.  - HS đọc theo yêu cầu của GV.  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu BT.  - HS thực hiện theo hướng dẫn  - HS trả lời.  - HS lắng nghe và tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS lắng nghe GV hướng dẫn.  - HS phát biểu ý kiến.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc nhiệm vụ BT. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

Thứ tư ngày 6 tháng 11 năm 2024

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (Tiết 4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Tiếp tục đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng của HS. HS đọc cảm, trôi chảy, đạt tốc độ 90 – 100 tiếng / phút, thuộc lòng các khổ thơ, dòng thơ.

- Ôn luyện về từ đa nghĩa và đại từ.

- Biết sử dụng từ đồng nghĩa trong bài văn để có một số câu văn sinh động, gợi cảm hơn.

***2*. *Năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Hình thành, phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học (biết cảm nhận về câu văn hay trong bài đọc).

***3. Phẩm chất :***

- Hoàn thành nhiệm vụ học tập, ham học hỏi; có ý thức vận dụng những kĩ năng đã học ở trường vào đời sống hằng ngày.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đối với giáo viên**

- SGK Tiếng Việt 5 kết nối tri thức, SGV Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.

- Tranh ảnh SGK phóng to; tranh ảnh hoặc video clip về cảnh đồi núi hoặc cánh đồng (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

- SGK Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.

- Từ điển Tiếng Việt.

- Tranh ảnh theo nội dung bài nếu có.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động:**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Cách tiến hành**  **-** GV đặt câu hỏi: *Em hãy nhắc lại kiến thức về từ đa nghĩa?*  *­*- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ:  - GV nhận xét, chốt đáp án: *Từ đa nghĩa là từ có nhiều nghĩa, trong đó có một nghĩa gốc và một hoặc một số nghĩa chuyển*  - GV ghi tên bài học mới.  **B. Khám phá:**  **Hoạt động 1: Luyện tập kĩ năng học thuộc lòng và đọc hiểu văn bản**  **a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:**  - HS học thuộc lòng các bài thơ và trả lời các câu hỏi liên quan.  **b. Cách tiến hành:**  - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ BT1: *Đọc thuộc lòng đoạn thơ (khoảng 100 chữ) trong một bài thơ đã học dưới đây và trả lời câu hỏi.*  - GV tổ chức đọc thi cho HS và yêu cầu HS trả lời các câu ứng với bài đọc đã chọn.  - GV nhận xét, chốt nhiệm vụ  **Hoạt động 3: Củng cố kiến thức về đại từ**  **a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:**  - HS biết vận dụng kiến thức để làm các bài tập và câu hỏi liên quan.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ BT4: *Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.*  *Đêm Trung thu, (1)****bà****tôi trải một chiếc chiếu ngoài hiên. Bố tôi bê ra một đĩa to, nào bưởi, hồng, kẹo,... lại còn cả bánh đa nữa.*  *- Cháu ra đây với (2)****bà****nào!*  *Tôi chạy ra, bốc mấy cái kẹo nhét vào túi. (3)****Bà****hỏi:*  *– Sao chưa ăn đã để dành vậy cháu?*  *– Cháu cất đi, đến mai đưa cho em Tâm. Ban nãy, cháu làm nó ngã.*  *(4)****Bà****ôm tôi vào lòng, thơm lên tóc tôi, không nói.*  *(Theo Kao Sơn)*  *a. Từ bà ở vị trí nào được dùng để xưng hô?*  *b. Trong đoạn văn, còn danh từ nào cũng được dùng để xưng hô?*  + GV cho HS làm việc cá nhân, viết vào VBT.  + GV nhận xét, chốt đáp án:  *a. Từ bà trong vị trí (2) dùng để xưng hô.*  *b. Trong đoạn văn, còn danh từ cháu cũng được cùng để xưng hô.*  - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ BT5: *Tìm đại từ thay thế phù hợp thay cho mỗi bông hoa.*  *Ngày xưa, trên cao nguyên có một đồng cỏ ở rất xa chỗ sinh sống của loài người. Nơi \* có một dòng suối trong như pha lê và những tảng đá vân nằm giữa những đám hoa bướm bướm, hoa thạch thảo màu hồng, màu tím. Muốn tới \* phải vượt qua những cánh rừng, những dãy núi, những dòng sông... Muông thú gọi \* là làng Hươu.*  (Theo Vũ Hùng)  - GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà hoàn thiện.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động.  **\* Củng cố, dặn dò:**  - GV nhận xét tiết học.  - Nhắc những HS kiểm tra đọc thành tiếng chưa đạt chuẩn bị để kiểm tra lại vào buổi sau. | **-** HS lắng nghe câu hỏi.  - HS phát biểu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài.  - HS đọc yêu cầu BT.  - HS đọc theo yêu cầu của GV.  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu BT.  - HS thực hiện theo hướng dẫn  - HS trả lời.  - HS lắng nghe và tiếp thu.  - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (Tiết 5)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Củng cố lại kiến thức về các văn bản đọc hiểu. Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính, thông tin chính của bài đọc. Biết tóm tắt văn bản và hiểu chủ đề tác phẩm.

***2*. *Năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Hình thành, phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học (biết cảm nhận về câu văn hay trong bài đọc).

***3. Phẩm chất :***

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập, có ý thức học hỏi, sáng tạo; biết vận dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đối với giáo viên**

- SGK Tiếng Việt 5 kết nối tri thức, SGV Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.

**2. Đối với học sinh**

- SGK Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.

- Các PBT.

- Tranh ảnh, video ngắn về nội dung bài học.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động:**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Cách tiến hành**  **-** GV cho HS xem video dưới đây:  <https://www.youtube.com/watch?v=TCseyX1fX2Y>  - GV giới thiệu bài học mới.  **B. Khám phá:**  **Hoạt động 1: Đọc hiểu văn bản**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Đọc hiểu được văn bản *Tôi sống độc lập từ thuở bé*.  **b. Cách tiến hành**  - GV cho HS đọc BT1: *Đọc câu chuyện dưới đây và trả lời câu hỏi:*  *a. Ba an hem dế được mẹ giảng giải thế nào về tục lệ lâu đời của họ nhà dế?*  *b. Chú dế út có cảm nghĩ thế nào trước việc mẹ cho ra ở riêng?*  *+ Lúc theo mẹ đi trên đường*  *+ Lúc được mẹ dắt vào chỗ ở riêng*  + GV sử dụng kĩ thuật *Khải bàn* để hoàn thiện bài tập phân theo sự phân công của GV.  + Gv mời 1 – 2 HS đại diện nhóm phát biểu ý kiến.  + GV nhận xét, chốt đáp án:  *a. Ba anh em dế được mẹ giảng giải rằng tục lệ lâu đời trong họ nhà dế là phải sống độc lập từ khi còn bé. Mẹ còn dạy điều này giúp các ba anh em biết tự kiếm ăn và không phụ thuộc vào người khác.*  *b.*  *- Lúc theo mẹ đi trên đường, chú dế út cảm thấy tấp tểnh và khấp khởi, nửa lo nửa vui theo sau mẹ.*  *- Lúc được mẹ dắt vào chỗ ở riêng, chú cảm thấy không buồn mà còn lấy làm khoan khoái vì được ở một mình nơi thoáng đãng và mát mẻ.*  *c. Chú dế út thầm cảm ơn mẹ vì mẹ đã cho cậu được ở một mình ở nơi thoáng đáng, mát mẻ.*  *d. Tính cách của chú dế út qua đoạn kết của câu chuyện thể hiện sự tự lập, ứng biến và sẵn lòng chấp nhận những thách thức mới. Chú không buồn khi phải ở riêng mà ngược lại còn cảm thấy khoan khoái và hứng khởi trước cuộc sống mới, thể hiện tính linh hoạt và thích ứng tốt với môi trường.*  **Hoạt động 2: Thực hành**  **a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:**  - Củng cố lại kiến thức và vận dụng làm bài tập liên quan.  **b. Tổ chức thực hiện:**  - GV cho HS đọc BT2: *Kể thêm một đoạn cho câu chuyện Tôi sống độc lập từ thuở bé theo tưởng tượng của em*  + GV cho HS hoạt động nhóm, yêu cầu HS viết vào VBT.  + GV mời 1 – 2 HS trả lời.  + GV nhận xét, chốt đáp án:  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS.  **\* CỦNG CỐ, DẶN DÒ**  - GV nhận xét tiết học.  - Nhắc những HS kiểm tra đọc thành tiếng chưa đạt chuẩn bị để kiểm tra lại vào buổi sau. | **-** HS xem video.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS phát biểu ý kiến.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS phát biểu ý kiến.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**TOÁN**

**Bài 20. PHÉP TRỪ SỐ THẬP PHÂN (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Thực hiện được phép trừ số thập phân.

- Phát triển năng lực tư duy, giải quyết vấn đề và lập luận và giao tiếp toán học.

- Vận dụng được việc trừ số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  \* Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  \* Cách tiến hành:  - GV tổ chức trò chơi “Hỏi nhanh – Đáp đúng”.  **Luật chơi:** Quản trò (Rô-bốt) nêu một phép trừ số thập phân rồi chỉ định 1 HS khác trả lời. HS trả lời đúng sẽ được nêu phép trừ số thập phân tiếp theo và chỉ định bạn trả lời.  - HS được nghe bạn, GV nhận xét.  - HS được nghe GV giới thiệu bài*: Ở tiết học trước, chúng ta đã biết cách thực hiện phép trừ số thập phân. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau củng cố lại những kiến thức đã học và vận dụng những kiến thức đó để giải quyết một số tình huống thực tiễn*  **2. Luyện tập:**  \*Mục tiêu:  - Ôn lại cách thực hiện phép trừ số thập phân.  \* Cách tiến hành:  \***Bài 1.** **Đặt tính rồi tính** (Làm việc cá nhân).  - GV quan sát hỗ trợ HS còn lúng túng hoăc yếu. | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe.  - HS nêu lại cách thực hiện trừ hai số thập phân.  - HS lắng nghe  - HS làm bài cá nhân vào vở; đổi vở, chữa bài cho nhau |

|  |  |
| --- | --- |
| - GV nhận xét, thống nhất kết quả  - GV có thể đưa 1 – 2 bài của HS làm chưa đúng (nếu có) để lưu ý tránh lỗi sai khi thực hiện phép tính (đặt tính chưa đúng, thực hiện tính chưa đúng thứ tự, tính và viết kết quả chưa đúng,...)  **\* Bài 2: Số?** (Làm việc nhóm 2)  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở.    - GV nhận xét bài làm  - GV soi bài làm đúng, yêu cầu HS đối chiếu  - GV Nhận xét, tuyên dương.  \***Bài 3:** Một chiếc cọc được sơn hai màu xanh và đỏ (như hình vẽ). Biết đoạn màu xanh dài hơn đoạn màu đỏ là 1,8 dm. Tìm độ dài chiếc cọc đó. (Làm việc nhóm 4 hoặc 5)  - GV hỏi: Đề bài cho biết điều gì?  - GV hỏi: Yêu cầu đề bài là gì?  –GV gợi ý cho HS bằng cách trả lời các câu hỏi:  + Chiếc cọc gồm có mấy đoạn? Đó là những đoạn nào?  + Đề bài đã cho biết độ dài của đoạn nào?  + Để tìm độ dài chiếc cọc đó, trước hết chúng ta phải tìm độ dài của đoạn nào?  + Độ dài của đoạn màu đỏ như thế nào so với độ dài đoạn màu xanh  + Tính độ dài của đoạn màu đỏ bằng cách nào?  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  **Bài 4:** **Số?** (Làm việc nhóm 4)    **-** GV hỏi: Yêu cầu đề bài là gì?  - GV yêu cầu hs thảo luận nhóm 4  - GV thống nhất kết quả và cách làm. | - HS cùng GV thống nhất kết quả (12,06; 6,09; 15,4; 5,5).  - HS nghe GV chốt lại cách làm và kết quả.  - HS làm việc theo nhóm 2  - HS lắng nghe nhận xét  -HS chia sẻ bài làm, nhận xét  - Kết quả. (19,601; 9,34; 18).  - Đề bài cho biết: Một chiếc cọc được sơn hai màu xanh và đỏ (như hình vẽ). Đoạn màu xanh dài 14,2 dm. Đoạn màu xanh dài hơn đoạn màu đỏ là 1,8 dm.  - Yêu cầu đề bài: Tìm độ dài chiếc cọc đó.  - HS trả lời.  - HS nêu và giải thích cách làm  *Bài giải:*  Độ dài của đoạn màu đỏ là (hoặc Đoạn màu đỏ dài số đề-xi-mét là):  14,2 - 1,8 =12,4 (dm)  Độ dài của chiếc cọc đó là (hoặc Chiếc cọc đó dài số đề-xi-mét là):  14,2+12,4 = 26,6 (dm)  *Đáp số:* 26,6 dm.  - Yêu cầu của đề bài: Tìm cân nặng của mỗi con Rô-bốt.  - HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm 4 để xác định cân nặng của mỗi con Rô-bốt.  - HS chia sẻ kết quả  Rô-bốt C: 8 kg – 4,7 kg = 3,3 kg.  Rô-bốt B: 5,5 kg – 3,3 kg = 2,2 kg.  Rô-bốt A: 4,7 kg – 2,2 kg = 2,5 kg (hoặc 8 kg – 5,5 kg = 2,5 kg). |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  \* Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức HS chia sẻ trong nhóm bàn chiều cao của mình (tính theo đơn vị mét) và cho biết bạn nào cao hơn, cao hơn bao nhiêu mét.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS xác định bạn cao nhất và thấp nhất tổ và tính xem hai bạn hơn kém nhau bao  nhiều mét.  - HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ............................................................................................................................................  ............................................................................................................................................ | |

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**Sinh hoạt theo chủ đề: AN TOÀN KHI GIAO TIẾP TRÊN MẠNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Chia sẻ được trải nghiệm của bản thân khi sử dụng mạng trong học tập và cuộc sống.

- Nhận diện được những nguy cơ mất an toàn khi sử dụng mạng.

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ và đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia giải quyết các tình huống có nguy cơ mất an toàn khi sử dụng mạng in-tơ-nét.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, hợp tác nhóm trong khi thảo luận.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất trung thực: Chia sẻ trung thực về trải nghiệm của bản thân, đảm bảo đúng yêu cầu của thầy, cô.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức nghiêm túc trong làm việc nhóm .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Video về nguy cơ mất an toàn trên không gian mạng

**https://www.youtube.com/watch?v=M8iMqp72Zvg**

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  **a) Mục tiêu:**  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  **b) Cách tiến hành:** | |
| - GV tổ chức cho HS vận động theo hát bài “SAM, SAM, SAM” .  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS hát và vận động  - HS lắng nghe. |
| **2. HĐ 1: Chia sẻ trải nghiệm sử dụng mạng:**  **a)Mục tiêu:**  - HS chia sẻ được những trải nghiệm của bản thân khi sử dụng mạng  - Nêu được những lợi ích mà mạng mang lại  **b) Cách tiến hành** | |
| - GV chia lớp thành các nhóm.  - GV tổ chức cho các nhóm HS chia sẻ trong nhóm về trải nghiệm sử dụng mạng của bản thân theo gợi ý :  +Những nội dung em thường truy cập trên mạng  +Điều thú vị mà em thấy từ mạng  +Ứng dụng của mạng trong học tập và cuộc sống  +Những lợi ích mà mạng mang lại.  - Các nhóm tiến hành thảo luận - Mỗi nhóm cử một bạn làm thư kí ghi chép lại kết quả thảo luận của nhóm  - GV mời các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp.  Khuyến khích HS chia sẻ những tình huống trải nghiệm cụ thể khi sử dụng mạng.  GV kết luận:  Ngày nay, mạng( Internet) mang đến rất nhiều lợi ích cho người sử dụng. Có thể kể một số lợi ích như:cung cấp nguồn thông tin, kho kiến thức khổng lồ; hỗ trợ học tập trực tuyến; kết nối,trò chuyện được với mọi người; mở ra thế giới giải trí, .... | - HS lắng nghe và tiếp nhận nhiệm vụ  - HS thảo luận nhóm.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe |
| **3. HĐ 2: Nhận diện nguy cơ mất an toàn khi sử dụng mạng:**  **a) Mục tiêu:**   * Nhận diện được những nguy cơ mất an toàn khi sử dụng mạng của bản thân.   **b) Cách tiến hành** | |
| * GV tổ chức cho các nhóm HS đọc kĩ các tình huống trong SGK trang 29 và phân tích nguy cơ mất an toàn khi sử dụng mạng trong các tình huống đó.   +Tình huống 1:  Hai chị em Dung được mẹ cho mượn điện thoại để xem hướng dẫn cách làm bánh ngọt trên mạng.Trong lúc xem, hai chị em thấy có một đoạn quảng cáo trò chơi điện tử rất hấp dẫn. Em của Dung đề nghị hai chị em chơi thử trò chơi mà đoạn quảng cáo đó giới thiệu.  +Tình huống 2:  Duy đang truy cập mạng để tra cứu thông tin bài học thì có người bạn gửi cho Duy một đường dẫn và rủ Duy cùng xem một bộ phim bạo lực.  + Tình huống 3:  Linh mới học được cách tạo tài khoản cá nhân trên mạng xã hội .Linh rất háo hức nên thường xuyên sử dụng điện thoại để đăng ảnh cá nhân và các các thông tin về lịch trình hoạt động của mình trong ngày lên trang cá nhân trên mạng xã hội.   * Cho HS chia sẻ trước lớp   Gọi lần lượt các nhóm trình bày  - GV cho HS xem video  **https://www.youtube.com/watch?v=M8iMqp72Zvg**  và nêu những nguy cơ mất an toàn trên mạng.  -GV tổ chức cho HS kể những nguy cơ mất an toàn khác khi sử dụng mạng trong video mà em vừa xem  GV kết luận:  Không gian mạng là môi trường rất mở. Trên mạng,mọi người có thể liên lạc,chia sẻ thông tin với nhau một cách dễ dàng.Chính vì dễ dàng liên hệ nên không gian mạng chứa đựng nhiều nguy cơ mất an toàn như:  - Tin giả và tin tức không hợp pháp;  - Lừa đảo trên mạng;  - Lộ thông tin cá nhân;  - Dụ dỗ ,lôi kéo,bắt nạt,tấn công qua mạng;  - Phụ thuộc hoặc nghiện mạng  Các em cần nhận diện những nguy cơ mất an toàn để rút ra bài học cho bản thân về cách sử dụng mạng an toàn | - HS thảo luận nhóm 4  - HS chia sẻ kết quả thảo luận  +Tình huống 1: Bị lôi kéo vào những trò chơi điện tử .  +Tình huống 2: Bị dụ dỗ xem những thông tin bạo lực, độc hại.  + Tình huống 3: Lộ thông tin cá nhân  - HS xem và ghi chép   * HS chia sẻ * HS lắng nghe |
| **4. HĐ tiếp nối:**  **a) Mục tiêu:**  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  **b) Cách tiến hành:** | |
| - GV hướng dẫn HS về nhà trao đổi với người thân về những nguy cơ mất an toàn khi sử dụng mạng  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - HS lắng nghe và tiếp nhận nhiệm vụ   * HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

Thứ năm ngày 7 tháng 11 năm 2024

**TOÁN**

**Bài 21. PHÉP NHÂN SỐ THẬP PHÂN (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Thực hiện được phép nhân số thập phân (trường hợp nhân một số thập phân với một số tự nhiên).

- Phát triển năng lực tư duy, giải quyết vấn đề và lập luận và giao tiếp toán học.

- Vận dụng được việc nhân số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  \* Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi “Cuộc đua kì thú” để khởi động bài học.  **Luật chơi:** Quản trò (Rô-bốt) mời 4 bạn HS đặt 1 hình dán vào vạch xuất phát trên đường đua (được vẽ trên bảng). Mỗi lượt chơi, Rô-bốt sẽ đưa ra một câu đố và yêu cầu các bạn tính nhanh kết quả. Bạn nào giơ tay đầu tiên sẽ giành quyền trả lời. Mỗi câu trả lời đúng bạn được tiến lên 1 bước trên đường đua. Bạn nào về đích sớm nhất sẽ giành chiến thắng. Người chơi có thể sử dụng bút và giấy nháp để tính kết quả.      - GV giới thiệu bài mới: Phép nhân số thập phân. | - HS lắng nghe luật chơi  + Trả lời:  - Câu 1: C  - Câu 2: B  - Câu 3: A  - Câu 4: B  - Câu 5: B  - Câu 6: C  - HS lắng nghe và ghi tên bài mới. |
| **2. Khám phá:**  \*Mục tiêu:  - Thực hiện được phép nhân số thập phân (trường hợp nhân một số thập phân với một số tự nhiên).  \* Cách tiến hành: | |
| **a) Nhân một số thập phân với một số tự nhiên**  Ví dụ l:  – GV cho hs đọc tình huống khám phá trang 71 – SGK Toán 5 tập một.  - GV gợi ý: “Muốn tính chiều cao của toà nhà cao 8 tầng, mỗi tầng cao 3,2 m thì ta làm thế nào?”.  + Cách 1: Đổi 3,2 m về đơn vị đề-xi-mét, lấy 32 dm × 8, đổi kết quả vừa tìm được về  đơn vị mét.  + Cách 2: Lấy số đo chiều cao của 8 tầng cộng lại với nhau.  + Cách 3: Thực hiện phép tính 3,2 × 8.  - Đại diện các nhóm lên chia sẻ cách làm  - + Đổi 3,2 m về đơn vị đề-xi-mét.  + Thực hiện phép nhân: 32 x 8.  + Đổi kết quả số đo độ dài vừa tìm được về đơn vị mét.  - GV yêu cầu hs nêu nhận xét về 2 phép nhân 32 × 8 = 256 và phép nhân 3,2 × 8 =25,6.  - GV hướng dẫn cách đặt tính và thực hiện phép nhân số thập phân: 3,2 × 8.  + Đặt tính và thực hiện phép nhân như nhân hai số tự nhiên.  + Phần thập phân của số 3,2 có một chữ số, ta dùng dấu phẩy tách ở tích ra một chữ số kể từ phải sang trái.    - GV yêu cầu hs nêu nhận xét về số chữ số ở phần thập phân của số thập phân và số chữ số ở phần thập phân của tích.  - GV nhận xét, thống nhất cách thực hiện nhân số thập phân.  + Đặt tính và thực hiện phép nhân như nhân hai số tự nhiên.  + Đếm trong phần thập phân của số thập phân có bao nhiêu chữ số thì dùng dấu phẩy tách ở tích ra bấy nhiêu chữ số kể từ phải sang trái.  Ví dụ 2:  -GV nêu ví dụ: 1,51 × 25  -GV yêu cầu hs nhận xét về số chữ số ở phần thập phân của số thập phân.  - G V hướng dẫn dùng dấu phẩy để tách ở tích ra số chữ số ở phần thập phân bằng với số chữ số ở phần thập phân của số thập phân kể từ phải qua trái (2 chữ số)    - GV nêu những điểm cần lưu ý khi nhân số thập phân như: *Thực hiện nhân như nhân số tự nhiên, đếm ở phần thập phân của số thập phân có bao nhiêu chữ số thì dùng dấu phẩy tách ở tích ra bấy nhiêu chữ số kể từ phải sang trái.*  **b) Quy tắc nhân một số thập phân với một số tự nhiên**  **-** GV nêu cách nhân một số thập phân với một số tự nhiên.  **-** GV gắn bảng phụ khung ghi nhớ trang 72 – SGK Toán 5 tập một | - HS đọc tình huống  - HS thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi: Toà nhà trong tranh cao bao nhiêu mét?  - HS trình bày cách làm của nhóm mình; được bạn/nhóm bạn nhận xét.  - HS nghe GV nêu cách làm và thực hiện theo các bước hướng dẫn của GV.  + HS nêu kết quả: 3,2 × 8 = 25,6 (m).  - HS nêu nhận xét về 2 phép nhân 32 × 8 = 256 và phép nhân 3,2 × 8 =25,6.  - HS quan sát, theo dõi  - HS nhận xét về số chữ số ở phần thập phân của số thập phân và số chữ số ở phần thập phân của tích.  - HS theo dõi, lắng nghe  - HS thực hiện đặt tính.  - HS nhận xét  - HS thực hiện tính vào vở nháp hoặc bảng con; đổi vở/bảng, chữa bài cho nhau.  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS ghi nhớ. |
| **3. Luyện tập:**  \*Mục tiêu:  - Học sinh vận dụng được việc nhân số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.  Cách tiến hành: | |
| Bài 1. Đặt tính rồi tính (Làm việc cá nhân).  - GV quan sát Hỗ trợ HS còn lúng túng hoăc yếu  - GV chụp bài làm đúng HS soi bài, nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: Tìm lỗi sai trong mỗi phép tính sau rồi sửa lại cho đúng. (Làm việc nhóm 2)  - GV gọi HS đọc mẫu  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở.    - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV thống nhất kết quả (a) Phép tính sai do chưa đặt dấu phẩy ở tích nên kết quả là số tự nhiên; b) Phép tính sai do đặt 2 tích riêng thẳng cột với nhau).  **Bài 3:** Mỗi cốc có 0,25 l nước cam, mỗi bạn uống một cốc. Hỏi 3 bạn uống bao nhiêu lít nước cam? (Làm việc nhóm 4 hoặc 5)  - GV cho HS làm theo nhóm.  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV cho hs chia sẻ với nhau về tác dụng của nước cam đối với sức khoẻ con người, nước chiếm bao nhiêu phần trong cơ thể, lượng nước mỗi người nên uống trong 1 ngày,...  - GV nhận xét chung, tuyên dương. | - HS quan sát, vận dụng bài học để làm.  - HS làm bài cá nhân vào vở; đổi vở, chữa bài cho nhau, thống nhất kết quả.  - HS báo cáo trong nhóm hoặc cả lớp báo kết quả và cách làm (46,8; 36; 210,6; 129,56).  - HS quan sát yêu cầu bài 2  -Hs thảo luận nhóm 2 và làm vào vở.    - HS đổi vở kiểm tra, nhận xét.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - Các nhóm làm việc theo phân công.  - HS nêu và giải thích  *Bài giải:*  Ba bạn uống số lít nước cam là:  0,25 × 3 = 0,75 (l)  *Đáp số:* 0,75 lít  -HS chia sẻ trong nhóm về tác dụng của nước cam: Cải thiện hệ tiêu hóa, t ăng cường hệ thống miễn dịch, Giải độc cơ thể…..  + Lượng nước mỗi người nên uống trong 1 ngày:  Đối với nam giới trưởng thành: Cần cung cấp cho cơ thể khoảng 3,7 lít nước mỗi ngày  Đối với nữ giới: Cần cung cấp cho cơ thể khoảng 2,7 lít nước mỗi ngày |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  \* Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức, hái hoa,...sau bài học để học sinh thực hiện được phép nhân số thập phân (trường hợp nhân một số thập phân với một số tự nhiên).  - Ví dụ: GV tổ chức trò chơi “Đố bạn”: Bạn A nêu một phép nhân số thập phân với số tự nhiên bất kì, bạn B thực hiện tính và nêu kết quả. Hai bạn thay nhau đố và trả lời, thống nhất kết quả. Bạn nào tính đúng nhiều hơn sẽ giành chiến thắng.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS chơi đố bạn theo nhóm  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ............................................................................................................................................  ............................................................................................................................................ | |

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I: KIỂM TRA ĐỌC (Tiết 6)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Đánh giá kĩ năng đọc hiểu, kiến thức Tiếng Việt. HS hiểu bài đọc, trả lời được các câu hỏi.

***2.* *Năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Hình thành, phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học (biết cảm nhận về câu văn hay trong bài đọc).

***3. Phẩm chất:***

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập, có ý thức học hỏi, sáng tạo; biết vận dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống.

- Biết yêu thiên nhiên, yêu quê hương nơi em sinh sống; biết trân trọng giá trị và vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đối với giáo viên**

- SGK Tiếng Việt 5 kết nối tri thức, SGV Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.

**2. Đối với học sinh**

- SGK Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.

- Tranh ảnh, video ngắn về nội dung bài học.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động:**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Cách tiến hành**  - GV cho HS xem video *Việt Nam tươi đẹp* dưới đây:  <https://www.youtube.com/watch?v=MVrwPSTW5Vo>  - GV dẫn dắt vào bài: *Trong tiết này, các em sẽ luyện tập để chuẩn bị cho bài đánh giá kĩ năng đọc hiểu và kiến thức Tiếng Việt.*  **B. Khám phá:**  **Hoạt động 1: Luyện tập kĩ năng đọc hiểu và kiến thức tiếng Việt.**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Thể hiện được năng lực đọc hiểu và kiến thức tiếng Việt của mình.  **b. Cách tiến hành**  - GV nêu yêu cầu BT1, đề nghị HS đọc thầm bài đọc *Vươn mặt trời, quả mặt trăng*  trả lời các câu hỏi và làm các bài tập dưới văn bản.  - GV tổ chức cho HS tự làm bài, cuối giờ chiếu lên bảng bài của 1 – 2 HS để nhận xét.  - GV nhận xét, chốt đáp án:  *a. Vườn cây trái được tác giả so sánh với những hình ảnh mặt trời và mặt trăng. So sánh này giúp tạo ra hình ảnh về sự tràn ngập ánh sáng, vẻ đẹp tự nhiên và sự mát mẻ, tươi mới của vườn cây trái. Mặt trời mang lại sự ấm áp và sự sống, trong khi mặt trăng mang lại vẻ đẹp mềm mại và huyền bí. Những hình ảnh này tạo nên một không gian tràn đầy sức sống và hòa mình vào thiên nhiên.*  *b. Những từ ngữ như "trái xòe những tia mặt trời", "chùm quả tươi ngời", “quả như mặt trăng mềm mại”, "dâng đầy hương thơm",… cho thấy đối với con người, vườn cây trái rất thân thiện và dáng yêu. Các từ ngữ này tạo ra hình ảnh về sự tươi mới, màu sắc rực rỡ và mùi hương dễ chịu, khiến cho vườn cây trái trở nên hấp dẫn và đáng yêu trong mắt con người.*  *c. Tác giả có cảm nghĩ rất tích cực khi đi trong vườn cây, như được thưởng thức vẻ đẹp và sự tươi mới của thiên nhiên. Tác giả cảm thấy cảm kích và biết ơn với trời, đất và cây cối, cũng như với những người nông dân vất vả đã tạo ra một không gian vườn cây tuyệt vời như thế. Điều này thể hiện sự kết nối và biết ơn với thiên nhiên, cũng như sự trân trọng và đánh giá cao về công lao của những người làm vườn.*  - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc bài *Cánh đồng vàng* và tiến hành trả lời các câu hỏi bên dưới:  + GV chia lớp thành 5 nhóm, mỗi nhóm thực hiện 2 nhiệm vụ liên tiếp.  + Sau khi thời gian thảo luận, các nhóm trao đổi kết quả với nhau và rút ra nhận xét  + GV nhận xét, chốt đáp án: 1/C  *2/*  *- Về màu sắc: Màu vàng rực.*  *- Về âm thanh: xôn xao, kêu lên, thúc giục nhau.*  *- Về sự chuyển động, phát triển: Đoạn văn miêu tả cánh đồng lúa đang chín tới, với hình ảnh các bông lúa kêu gọi nhau chín nhanh lên và cảm giác đồng lúa dâng lên, trải ra mỗi lúc một rộng.*  *3/*  *Từ ngữ tả màu sắc của cảnh đồng lúa: "vàng rực", "vàng chanh", "vàng cam", “vàng chói”.*  *4/ Cây lúa được nhân hoá bằng những cách:*  *- Nhân hoá qua tiếng nói: Lúa được miêu tả như có tiếng nói, kêu gọi nhau chín nhanh lên.*  *- Nhân hoá qua hành động: Lúa được miêu tả như thúc giục nhau chín nhanh lên.*  *5/ Tác dụng của biện pháp nhân hoá là tạo ra một hình ảnh sống động, gần gũi và đầy sinh động về cánh đồng lúa đang chín. Qua những hình ảnh và tiếng kêu của lúa, độc giả cảm nhận được sự sống động và sự phát triển mạnh mẽ của cánh đồng.*  *6/ Bạn nhỏ cảm thấy mình bập bềnh trên con thuyền giữa biển màu vàng vì mặt trời lăn chậm xuống chân trời, mặt trời càng xuống thấp, cánh đồng càng dâng lên khiến toàn bộ cánh đồng là một hồ nước mênh mông màu vàng chói. => Nhân vật tôi có cảm giác mặt trời sẽ rơi xuống cánh đồng.*  *7/ Em thấy bạn nhỏ là người rất yêu thiên nhiên, nhạy cảm và thấu hiểu. Bạn nhỏ không chỉ quan sát cảnh đẹp mà còn thấu hiểu và cảm nhận sâu sắc về sự sống và sự phát triển của thiên nhiên.*  *8/ Câu "Hoà nhập vào hạnh phúc lớn lao của người khác, bản thân ta sẽ hạnh phúc" cho thấy sự hiểu biết và sâu sắc về lòng biết ơn và sự kết nối với môi trường xung quanh. Bằng cách hiểu và hoà nhập với thiên nhiên, bạn nhỏ cảm thấy hạnh phúc và đạt sự thoải mái trong tâm hồn.*  *9/*  *a. – (2) (quả) ở vào giai đoạn phát triển dầy dủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương thơm, vị ngon.*  *b. - (3) thành thục, am hiểu đầy đủ mọi khía cạnh*  *c. – (1) (thức ăn) được nấu nướng kị, đến độ ăn được*  *10/ - Quả xoài chín vàng.*  *- Em thích ăn thịt bò chín kĩ.*  *- Bố em là người rất chín chắn.*  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS.  **\* Củng cố, dặn dò:**  - GV dặn HS chuẩn bị làm bài kiểm tra viết. | - HS xem video.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS làm bài.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**LUYỆN TẬP TIẾNG VIỆT**

**LUYỆN TẬP VỀ KĨ NĂNG ĐỌC.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù****:*

- Củng cố về kĩ năng đọc thành tiếng. HS đọc diễn cảm trôi chảy, đạt tốc độ 90 – 100 tiếng/ phút.

***2.* *Năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Hình thành, phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học (biết cảm nhận về câu văn hay trong bài đọc).

***3. Phẩm chất***

- Biết yêu thương gia đình, trân trọng những giá trị của quê hương.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đối với giáo viên**

- SGK Tiếng Việt 5 kết nối tri thức, SGV Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.

**2. Đối với học sinh**

- SGK Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động:**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Cách tiến hành**  **-** GV cho HS xem video vui nhộn, hài hước.  **B. Khám phá:**  **Hoạt động 1: Luyện tập kĩ năng đọc thành tiếng, đọc hiểu bài văn**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Nắm được kĩ năng đọc thành tiếng và đọc hiểu bài văn, câu chuyện (hiểu các chi tiết của văn bản, nội dung chính hoặc thông tin chính, biết tóm tắt văn bản,…).  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ BT1: *Chọn 1 trong 2 nhiệm vụ dưới đây:*  *a. Đọc 1 câu chuyện đã học và thực hiện yêu cầu (tóm tắt câu chuyện; nêu 1 – 2 chi tiết em yêu thích).*  *b. Đọc 1 bài dưới đây và trả lời câu hỏi (Nêu cảnh vật được giới thiệu, miêu tả trong bài; Em nhớ nhất hình ảnh nào?)*  - GV tổ chức kiểm tra HS đọc diễn cảm các đoạn hoặc bài đọc có độ dài khoảng 90 - 100 tiếng trong các văn bản đã học ở nửa cuối học kì I hoặc văn bản ngoài SGK. Phát âm rõ, tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng/ phút. Biết ngừng nghỉ sau các dấu câu, giữa các cụm từ.  - GV căn cứ vào số HS trong lớp, phân phối thời gian hợp lí để mỗi giờ kiểm tra được một số HS.  *\* Những HS đọc chưa đạt sẽ ôn luyện tiếp để kiểm tra lại.*  - GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà hoàn thiện.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS.  **\* Củng cố, dặn dò:**  - GV nhận xét tiết học.  - Nhắc những HS kiểm tra đọc thành tiếng chưa đạt chuẩn bị để kiểm tra lại vào buổi sau. | - HS xem video.  - HS đọc yêu cầu BT.  - HS hoạt động theo hướng dẫn của GV.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV  - HS lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

……………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………….

Thứ sáu ngày 8 tháng 11 năm 2024

**TOÁN**

**Bài 21. PHÉP NHÂN SỐ THẬP PHÂN (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- HS thực hiện được phép nhân số thập phân (trường hợp nhân một số thập phân với một số thập phân)

- HS vận dụng được việc nhân số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.

- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học,...

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được

giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  \* Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi trò chơi “**Hỏi nhanh – Đáp đúng”.**  **Luật chơi:** Quản trò (Rô-bốt) nêu một phép nhân số thập phân với số tự nhiên rồi chỉ  định 1 HS khác trả lời. HS trả lời đúng sẽ được nêu phép nhân số thập phân với số tự nhiên tiếp theo và chỉ định bạn trả lời.  - GV giới thiệu bài: *Ở tiết học trước, chúng ta đã biết cách thực hiện phép nhân một số thập phân với một số tự nhiên. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu cách nhân một số thập phân với một số thập phân.* | - HS lắng nghe luật chơi  - HS nêu lại cách thực hiện phép nhân số thập phân.  - HS lắng nghe và ghi tên bài mới. |
| **2. Khám phá:**  \*Mục tiêu:  - Thực hiện được phép nhân số một số thập phân với một số thập phân  \* Cách tiến hành: | |
| **a) Nhân một số thập phân với một số thập phân**  – GV cho hs đọc tình huống khám phá trang 73 – SGK Toán 5 tập một.    - GV gợi ý:  *+ Căn phòng có dạng hình gì?*  *+ Muốn tính diện tích hình chữ nhật có kích thước như vậy ta làm thế nào?*  *+ Em hãy xác định chiều dài, chiều rộng của căn phòng*  - Đại diện các nhóm lên chia sẻ cách làm  + Cách 1: Đổi 4,3 m và 3,6 m về đơn vị đề-xi-mét, lấy 43 dm × 36 dm, đổi kết quả vừa  tìm được về đơn vị mét vuông.  + Cách 2: Thực hiện phép nhân 4,3 m × 3,6 m,...  - GV hướng dẫn cách đặt tính và thực hiện phép nhân số thập phân: 4,3 × 3,6.  - GV hướng dẫn cách đặt tính và thực hiện phép nhân số thập phân: 3,2 × 8.  + Đặt tính và thực hiện phép nhân như nhân hai số tự nhiên.  + Đếm được tất cả hai chữ số ở phần thập phân của hai thừa số, ta dùng dấu phẩy tách  ở tích ra hai chữ số kể từ phải sang trái.    - GV yêu cầu nhận xét, so sánh số chữ số ở phần thập phân của các thừa số và số chữ số ở phần thập phân của tích.  - GV nhận xét, thống nhất cách thực hiện nhân một số thập phân với một  số thập phân.  **Ví dụ 2:**  - GV nêu ví dụ: 6,8 × 0,52.    - GV yêu cầu hs nhận xét về số chữ số ở phần thập phân của số thập phân.  - GV hướng dẫn: đếm trong phần thập phân của cả 2 thừa số có bao nhiêu chữ số thì dùng dấu phẩy tách ở tích ra bấy nhiêu chữ số kể từ phải sang trái.  - GV nêu những điểm cần lưu ý khi nhân một số thập phân với một số thập phân như: Thực hiện nhân như nhân số tự nhiên, đếm ở phần thập phân của 2 thừa số xem có tất cả bao nhiêu chữ số thì dùng dấu phẩy tách ở tích ra bấy nhiêu chữ số  kể từ phải sang trái.  **b) Quy tắc nhân một số thập phân với một số thập phân**  **-** GV nêu cách nhân một số thập phân với một số thập phân.  **-** GV gắn bảng phụ khung ghi nhớ trang 74 – SGK Toán 5 tập một. | - HS đọc tình huống  - HS thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi:  *Căn phòng có diện tích là bao nhiêu mét vuông?*  - HS trình bày cách làm của nhóm mình; được bạn/nhóm bạn nhận xét.  - HS nghe GV nêu cách làm và thực hiện theo các bước hướng dẫn của GV.  - HS trình bày cách làm của nhóm mình; được bạn/nhóm bạn nhận xét.  - HS nghe GV nêu cách làm và thực hiện theo các bước hướng dẫn của GV:  + Đổi 4,3 m và 3,6 m về đơn vị đề-xi-mét (43 dm; 36 dm).  + Thực hiện phép nhân: 43 × 36.  + Đổi kết quả số đo diện tích vừa tìm được về đơn vị mét vuông (1 548 dm2)  - HS chú ý theo dõi  - HS thực hiện đặt tính.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS thực hiện đặt tính  - HS nhận xét  - HS thực hiện tính vào vở nháp hoặc bảng con; đổi vở/bảng, chữa bài cho nhau.  - HS lắng nghe và ghi nhớ  - HS lắng nghe  - HS ghi nhớ |
| **3. Hoạt động:**  \*Mục tiêu:  - Học sinh vận dụng được việc nhân số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.  Cách tiến hành: | |
| **Bài 1. Đặt tính rồi tính** (Làm việc cá nhân).    - GV chụp bài làm đúng HS soi bài, nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2:** Cho biết 64 × 57 = 3 648. Không thực hiện tính, hãy tìm các tích sau:  a) 6,4 × 0,57  b) 6,4 × 5,7  c) 0,64 × 0,57  - GV gọi HS đọc mẫu  - GV gợi ý: nhận xét về các chữ số, số chữ số ở phần thập phân ở mỗi thừa số.  + Dựa vào nhận xét, không thực hiện phép tính hãy tìm tích của 3 phép nhân ở các  câu a, b, c.  - GV hỏi thêm: **Khi các thừa số của một phép nhân số thập phân tăng hoặc giảm 10, 100,... lần thì tích của phép nhân đó thay đổi như thế nào?** | - HS quan sát, vận dụng bài học để làm.  - HS làm bài cá nhân vào vở; đổi vở, chữa bài cho nhau, thống nhất kết quả.  - HS báo cáo trong nhóm hoặc cả lớp kết quả và cách làm; được bạn và GV nhận xét, thống nhất kết quả    - HS lắng nghe  - HS thảo luận nhóm 4 thực hiện các yêu cầu  - HS đổi vở kiểm tra, nhận xét.  - HS lắng nghe.  + Phép nhân ở câu a có thừa số thứ nhất và thừa số thứ 2 kém thừa số thứ nhất và thừa số thứ 2 của phép nhân đã cho lần lượt là 10, 100 lần.  + Phép nhân ở câu b có thừa số thứ nhất và thừa số thứ 2 đều kém thừa số thứ nhất và thừa số thứ 2 của phép nhân đã cho là 10 lần.  + Phép nhân ở câu c có thừa số thứ nhất và thừa số thứ 2 kém thừa số thứ nhất và thừa số thứ 2 của phép nhân đã cho là 100 lần.  **Vậy nên:**  + Kết quả phép nhân ở câu a nhỏ hơn kết quả của phép nhân đã cho 1 000 lần, ta dùng dấu phẩy tách ra ở tích của phép nhân đã cho 3 chữ số kể từ phải sang trái:  6,4 × 0,57 = 3,648.  + Kết quả phép nhân ở câu b nhỏ hơn kết quả của phép nhân đã cho 100 lần, ta dùng dấu phẩy tách ra ở tích của phép nhân đã cho 2 chữ số kể từ phải sang trái:  6,4 × 5,7 = 36,48.  + Kết quả phép nhân ở câu c nhỏ hơn kết quả của phép nhân đã cho 10 000 lần, ta  dùng dấu phẩy tách ra ở tích của phép nhân đã cho 4 chữ số kể từ phải sang trái và thêm chữ số 0 vào phần nguyên: 0,64 × 0,57 = 0,3648.  - Khi các thừa số của phép nhân số thập phân tăng, giảm bao nhiêu lần thì tích của phép nhân đó cũng tăng, giảm bấy nhiêu lần |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  \* Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  \* Cách tiến hành: | |
| **Bài tập 3:** Một ô tô đi trên đường cao tốc, mỗi giờ đi được 84,5 km. Hỏi trong 1,2 giờ ô tô đó đi được bao nhiêu ki-lô-mét?  Toán lớp 5 Kết nối tri thức Bài 21: Phép nhân số thập phân (trang 71) | Giải Toán lớp 5  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS làm bài cá nhân vào vở, đổi vở chữa bài, thống nhất kết quả.  *Bài giải:*  Trong 1,2 giờ ô tô đó đi được số ki-lô-mét là:  84,5 × 1,2 = 101,4 (km)  *Đáp số:* 101,4 km  - HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ...........................................................................................................................................  ........................................................................................................................................... | |

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I: KIỂM TRA ĐỌC HIỂU - VIẾT (Tiết 7)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Viết được bài văn kể chuyện sáng tạo ở chủ điểm Thế giới tuổi thơ hoặc bài văn tả phong cảnh.

***2*. *Năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***3. Phẩm chất:***

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập, có ý thức học hỏi, sáng tạo; biết vận dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống.

- Biết yêu thiên nhiên, yêu quê hương nơi em sinh sống; biết trân trọng giá trị và vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đối với giáo viên**

- SGK Tiếng Việt 5 kết nối tri thức, SGV Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.

- VBT in đề luyện tập ( phiếu photo đề đủ phát cho từng HS).

**2. Đối với học sinh**

- SGK Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.

- Các PBT.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động:**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Cách tiến hành**  - GV cả lớp hát một bài hát.  - GV dẫn dắt vào bài: *Trong tiết này, các em sẽ luyện tập để chuẩn bị cho bài Kiểm tra viết bài văn.*  **B. Khám phá:**  **Hoạt động 2: Thực hành viết bài văn**  **a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:**  - HS vận dụng kiến thức đã học để viết bài văn theo yêu cầu.  **b. Cách tiến hành**  - GV đọc nhiệm vụ BT2: *Thực hiện một trong hai đề bài sau:*  *a. Viết bài văn kể chuyện sáng tạo một câu chuyện ở chủ điểm Thế giới tuổi thơ.*  *b. Viết bài văn tả một cảnh đẹp ở một nơi em đã từng đến hoặc nhìn thấy qua tranh ảnh, ti vi,*…  - GV gợi ý cho HS thực hiện.  - GV nhận xét, tổng kết hoạt động của HS.  **\* Củng cố, dặn dò:**  - GV dặn HS chuẩn bị làm bài kiểm tra viết. | - HS hát bài hát.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe.  - HS chọn đề và làm bài.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS chú ý lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

……………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………….

**KHOA HỌC**

**BÀI 6. NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI, NĂNG LƯỢNG GIÓ**

**VÀ NĂNG LƯỢNG NƯỚC CHẢY (Tiết 2)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Tiến hành được thí nghiệm để tìm hiểu về việc sử dụng năng lượng gió tạo ra điện.

- Thu thập, xử lý thông tin và trình bày được bằng những hình thức khác nhau) về việc khai thác, sử dụng các dạng năng lượng mặt trời, năng lượng gió và năng lượng nước chảy.

- Liên hệ thực tiễn, bước đầu nhận xét về khả năng khai thác, sử dụng được nguồn năng lượng mặt trời, năng lượng gió hay năng lượng nước chảy.

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống; biết cách làm thí nghiệm để tìm hiểu về việc sử dụng năng lượng gió tạo ra điện.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: HS có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê tìm tòi khoa học.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: tranh ảnh một số nhà máy điện, tranh ảnh hoặc clip về khai thác, sử dụng năng lượng mặt trời, gió và nước chảy.

**2. Học sinh**: VBT Khoa học 5, Máy phát điện nhỏ có gắn cánh quạt, bóng đèn, băng dính, hộp làm giá đỡ, máy sấy tóc.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **A. Khởi động:** | | |
| Theo em, con người có thể khai thác nguồn năng lượng nào thay thế chất đốt để bảo vệ môi trường? | - HS phát biểu | |
| - Giới thiệu bài. |  | |
| **B. Khám phá:** |  | |
| **Hoạt động 2. Thí nghiệm sử dụng năng lượng gió để tạo ra điện**  **Mục tiêu:** Tiến hành được thí nghiệm để tìm hiểu về việc sử dụng năng lượng gió tạo ra điện  **Cách tiến hành**: | | |
| -Kiểm tra sự chuẩn bị của HS | -Trưởng ban thư viện kiểm tra và báo cáo. | |
| -Nhận xét sự chuẩn bị |  | |
| -Gọi HS đọc hướng dẫn thí nghiệm | -HS đọc hướng dẫn | |
| -Yêu cầu HS thực hiện làm thí nghiệm theo nhóm 4, ghi chép lại những điều quan sát được vào BT4, VBT. | -HS làm việc nhóm 4. | |
| * GV bao quát lớp |  | |
| * Tổ chức cho các nhóm báo cáo | * Các nhóm báo cáo kết quả quan sát thí nghiệm | |
| * Tổ chức cho cả lớp thảo luận | * HS thảo luận ktheo các kết quả mà các nhóm báo cáo. | |
| * Người ta có thể sử dụng năng lượng gió để tạo ra điện. Mức độ gió thổi (mạnh, nhẹ) có thể tạo ra điện thế nào? | * Gió mạnh tạo ra điện mạnh hơn, gió nhẹ tạo ra điện nhẹ hơn. | |
| * Nếu chệch hướng thổi của gió và cánh quạt có ảnh hưởng tới việc tạo ra điện không? | * Hướng thổi của gió vào cánh quạt có ảnh hướng, nếu không đúng hướng thì cánh quạt quay chậm hơn nên tạo ra điện ít hơn. | |
| * Muốn sử dụng năng lượng gió để tạo ra điện cần có điều kiện gì? | * Cần có gió và các phương tiện hỗ trợ như tua bin, cánh quạt,… | |
| * Giáo viên giới thiệu cách tạo ra điện nhờ năng lượng mặt trời, nước chảy. | * HS lắng nghe | |
| **Hoạt động 3. Tìm hiểu việc khai thác, sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió và năng lượng nước chảy.**  **Mục tiêu:**  Thu thập, xử lí thông tin và trình bày được (bằng những hình thức khác nhau) về việc khai thác, sử dụng các dạng năng lượng mặt trời, năng lượng gió và năng lượng nước chảy.  **Cách tiến hành:** | | |
| * Gọi HS đọc thông tin mục Con ong | | * HS đọc |
| -Vai trò của việc khai thác, sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió và năng lượng nước chảy. | | * HS nêu |
| -GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm theo các chủ đề:  + Chủ đề 1. Năng lượng mặt trời  + Chủ đề 2. Năng lượng gió  + Chủ đề 3. Năng lượng nước chảy | | * Hoạt động nhóm (Tùy theo số lượng học sinh trong lớp để chia nhóm cho phù hợp) |
| Hướng dẫn thảo luận:  -Hình thức: vẽ tranh, thuyết trình, đóng vai,…  -Nội dung:  +Mục đích khai thác, sử dụng  +Thuận lợi khi khai thác, sử dụng  + Khó khăn khi khai thác, sử dụng | | * HS thảo luận kết hợp làm BT6, VBT |
| * Tổ chức cho các nhóm báo cáo nội dung | | * Các nhóm trình bày. Nhận xét, bổ sung |
| * GV nhận xét chung. Khuyến khích HS sử dụng năng lượng mặt trời, gió, nước chảy cho các hoạt động và công việc trong cuộc sống hằng ngày. | |  |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

**BUỔI CHIỀU**

**LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ**

**ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ I**

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**SHL: THUYẾT TRÌNH VỀ CHỦ ĐỀ TỰ CHỦ KHI GIAO TIẾP TRÊN MẠNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng:

- Viết được bài thuyết trình về chủ đề Tự chủ khi giao tiếp trên mạng.

- Sử dụng bài viết để thuyết trình về tính tự chủ khi giao tiếp trên mạng.

- Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.

**2. Năng lực chung.**

- Biết tự chủ khi giao tiếp trên mạng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS mạnh dạn khi thuyết trình theo chủ đề .

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Tích cực tham gia các hoạt động.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức với lớp, tôn trọng nền nếp, nội quy lớp học.

\* Tích hợp QVBPTE: Chủ đề 4. Trường học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  **a) Mục tiêu:**  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  **b) Cách tiến hành:** | |
| - GV cho HS hát và vận động theo1 bài hát  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS thực hiện.  - HS lắng nghe. |
| **2. Sinh hoạt cuối tuần:**  **\* Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần (Làm việc theo tổ)**  **a) Mục tiêu:** Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần.  **b) Cách tiến hành:** | |
| **-** GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.  - Lớp trưởng lên điều hành nội dung sinh hoạt: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần:  + Sinh hoạt nền nếp.  + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức.  + Kết quả hoạt động các phong trào.  + Một số nội dung phát sinh trong tuần...  - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo.  - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời giáo viên chủ nhiệm nhận xét chung.  - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần) | - Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.  - Mời các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần.  - Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm. |
| **\* Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ)**  **a) Mục tiêu:**  Đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.  **b) Cách tiến hành:** | |
| **-** GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.  + Thực hiện nền nếp trong tuần.  + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ.  + Thực hiện các hoạt động các phong trào.  - Lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận kế hoạch và mời GV nhận xét, góp ý.  - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động. | - HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.  - Một số nhóm nhận xét, bổ sung.  - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay. |
| **\*Hoạt động 3: Thuyết trình về chủ đề tự chủ khi giao tiếp trên mạng**  **a) Mục tiêu:**   * HS Viết được bài thuyết trình về chủ đề Tự chủ khi giao tiếp trên mạng.   - HS sử dụng bài viết để thuyết trình về tính tự chủ khi giao tiếp trên mạng.  **b) Cách tiến hành:** | |
| * GV nêu nhiệm vụ hoạt động: Viết bài thuyết trình về chủ đề Tự chủ khi giao tiếp trên mạng.   GV đưa ra các gợi ý để viết bài như sau:  + Lợi ích của giao tiếp trên mạng;  + Tự chủ khi giao tiếp trên mạng là gì?;  + Các lưu ý để tự chủ khi giao tiếp trên mạng;  + Những việc cần làm khi giao tiếp trên mạng. GV tổ chức hoạt động theo gợi ý:  + Cách 1: HS làm việc cá nhân để viết bài thuyết trình.  + Cách 2: Cả nhóm từ 4 đến 6 thành viên cùng thảo luận để xây dựng bài viết. Sau đó cử ra một bạn phụ trách thuyết trình trước lớp.  - Sau khi HS viết xong, GV tổ chức cho HS sử dụng bài viết để thuyết trình về tính tự chủ khi giao tiếp trên mạng.  - GV tổng kết hoạt động, tuyên dương những HS có phần thuyết trình ấn tượng. | - HS lắng nghe và tiếp nhận nhiệm vụ.   * HS làm việc cá nhân   - HS thảo luận nhóm chuẩn bị nội dung thuyết trình.  - HS chia sẻ bài thuyết trình.   * HS lắng nghe |
| **5. Hoạt động tiếp nối:**  **a) Mục tiêu:**  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  **b) Cách tiến hành:** |  |
| - GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà cùng với người thân:  + Chia sẻ những thành quả đã cùng bạn thực hiện được.  \* Giáo dục QVBPTE: Chủ đề 4. Trường học.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà ứng dụng với các thành viên trong gia đình.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm  - HS lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................